| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 50/2020/QĐST-HNGĐ | *Điện Biên, ngày 29 tháng 5 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Lò Thị T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Đội 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Anh Lò Văn K, sinh năm: 1984.

Nơi đăng ký HKTT: Đội 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại đội 26, phân trại I, Trại giam N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. **Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K thuận tình ly hôn.

2.2**. Về con chung:**

Chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Lò Duy M, sinh ngày 17/3/2005 và Lò Thị Thanh B, sinh ngày 16/5/2011 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. **Về quan hệ tài sản:**

Tài sản riêng; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có.

Tài sản chung; Diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. **Về án phí:**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Chị T và anh K mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST, nhưng chị T tự nguyện chịu cả phần án phí DSST của anh K, tổng án phí DSST chị T phải chịu là 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003405, ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- UBND xã T, huyện ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Thùy Dương**